

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
VẬN TẢI SAFI**

**Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-24



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tài Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tài Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phan Thông	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012



Số: 1017 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 08 tháng 08 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		76.378.823.218	69.307.137.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.851.066.796	39.824.329.413
111	1. Tiền		20.901.066.796	29.824.329.413
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.950.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.784.481.546	24.713.477.087
131	1. Phải thu của khách hàng		20.137.682.076	11.575.880.864
132	2. Trả trước cho người bán		875.394.781	325.156.469
135	5. Các khoản phải thu khác	4	24.771.404.689	12.812.439.754
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.743.274.876	4.769.330.629
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5	270.020.907	103.076.823
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		105.192.051	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	3.368.061.918	4.666.253.806
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.534.081.834	125.450.523.276
220	II. Tài sản cố định		111.534.665.958	107.451.107.400
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	87.195.633.657	88.502.243.684
222	- Nguyên giá		110.439.597.980	109.638.080.708
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.243.964.323)	(21.135.837.024)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	9.483.937.025	9.550.368.263
228	- Nguyên giá		9.882.524.453	9.882.524.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(398.587.428)	(332.156.190)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	14.855.095.276	9.398.495.453
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	17.999.415.876	17.999.415.876
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.657.473.876	8.657.473.876
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.736.380.000	7.736.380.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		205.912.905.052	194.757.660.405

HẠ
VÀ
OÀN
IÂN
TT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		79.698.892.795	60.769.203.467
310	I. Nợ ngắn hạn		79.309.103.286	60.419.770.772
312	2. Phải trả người bán		21.005.447.062	14.259.651.848
313	3. Người mua trả tiền trước		7.427.397.742	13.559.783.489
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.134.721.311	1.957.668.175
315	5. Phải trả người lao động		1.500.003.604	-
316	6. Chi phí phải trả	11	128.784.000	119.527.273
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	45.391.489.352	30.760.969.290
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.721.260.215	(237.829.303)
330	II. Nợ dài hạn		389.789.509	349.432.695
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		389.789.509	349.432.695
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		126.214.012.257	133.988.456.938
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	126.214.012.257	133.988.456.938
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	2.794.128.014
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.369.763.914	7.264.374.396
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		308.317.689	7.394.023.874
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		205.912.905.052	194.757.660.405

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		509.759,28	782.028,29

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	80.063.712.280	62.760.010.802
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.063.712.280	62.760.010.802
11	4. Giá vốn hàng bán	15	67.774.030.119	52.216.826.363
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.289.682.161	10.543.184.439
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	4.444.533.908	3.566.916.123
22	7. Chi phí tài chính	17	407.079.273	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.999.672.097	3.373.114.458
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		12.327.464.699	10.736.986.104
31	11. Thu nhập khác		4.941.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		4.941.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.332.405.699	10.736.986.104
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	2.772.361.348	2.182.562.957
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.560.044.351</u>	<u>8.554.423.147</u>


Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng




Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.332.405.699	10.736.986.104
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.174.558.537	2.122.037.562
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.801.954.912)	(3.165.746.872)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.705.009.324	9.693.276.794
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.833.102.722)	1.364.127.853
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.838.397.634	(3.973.753.997)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(166.944.084)	(1.117.612.056)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.212.670.228)	(2.801.996.070)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.785.275.825	1.904.894.787
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.683.621.739)	(1.392.585.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.567.655.990)	3.676.352.311
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.258.117.095)	(38.220.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.852.510.468	3.165.746.872
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.405.606.627)	3.127.526.872
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.434.971.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(12.434.971.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.973.262.617)	(5.631.092.317)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		39.824.329.413	46.531.209.773
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		26.851.066.796	40.900.117.456


Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.899.818.054 đồng; tương đương 8.289.982 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Vân Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 04 Đường Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phong	Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Số 6A Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 419 - 420 - 421, TD - Business Center, Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

11
: ON
KH
VI
HINH
KIEN
VKIE

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

102
3 T
M H
T U
É TC
TOA
4-T

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	35 năm



Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của kỳ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10017
CỘNG HÒA
XHCN
CH VŨ
CHÍNH K
KIỂM T

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.299.109.368	3.366.057.550
Tiền gửi ngân hàng	17.601.957.428	26.458.271.863
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	5.950.000.000	10.000.000.000
	26.851.066.796	39.824.329.413

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	23.692.022
Phải thu cước xuất phòng Air	13.832.887.197	7.187.856.947
Phải thu cước xuất phòng Sea	6.267.412.411	3.542.592.261
Phải thu cước nhập các hàng đại lý	1.370.142.407	1.110.465.208
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	50.555.556
Phải thu khác	3.300.962.674	897.277.760
	24.771.404.689	12.812.439.754

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	151.944.000	37.895.000
Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng	58.713.067	65.181.823
Chi phí sửa chữa lớn	59.363.840	-
	270.020.907	103.076.823

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.634.043.000	1.977.136.788
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.734.018.918	2.689.117.018
	3.368.061.918	4.666.253.806

105.6
CÔNG TY
HỮU
HỮU VÀ
TỔNG V
DÂN
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Quyền sử dụng đất		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu kỳ	86.800.204.854	22.393.083.488	444.792.366	9.882.524.453	119.520.605.161					
Số tăng trong kỳ	-	729.690.909	71.826.363	-	801.517.272					
- Mua sắm mới	-	729.690.909	71.826.363	-	801.517.272					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-					
Số dư cuối kỳ	86.800.204.854	23.122.774.397	516.618.729	9.882.524.453	120.322.122.433					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu kỳ	12.763.317.795	8.105.687.689	266.831.540	332.156.190	21.467.993.214					
Số tăng trong kỳ	1.071.896.826	1.001.501.314	34.729.159	66.431.238	2.174.558.537					
- Trích khấu hao	1.071.896.826	1.001.501.314	34.729.159	66.431.238	2.174.558.537					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-					
Số dư cuối kỳ	13.835.214.621	9.107.189.003	301.560.699	398.587.428	23.642.551.751					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Số dư đầu kỳ	74.036.887.059	14.287.395.799	177.960.826	9.550.368.263	98.052.611.947					
Số dư cuối kỳ	72.964.990.233	14.015.585.394	215.058.030	9.483.937.025	96.679.570.682					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.345.736.438 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	14.805.095.276	9.398.495.453
- Dự án tòa nhà Văn phòng Công ty	14.805.095.276	9.398.495.453
Mua sắm tài sản cố định	50.000.000	-
- Mua xe honda	50.000.000	-
	<u>14.855.095.276</u>	<u>9.398.495.453</u>

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	8.657.473.876	8.657.473.876
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	5.029.129.876	5.029.129.876
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	3.628.344.000	3.628.344.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	7.736.380.000	7.736.380.000
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	4.350.780.000	4.350.780.000
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	3.385.600.000	3.385.600.000
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	<u>17.999.415.876</u>	<u>17.999.415.876</u>

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi (1)	TP. HCM	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH SITC Việt Nam (2)	Hải Phòng	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty Freightworld Pte.Ltd và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000232 chứng nhận lần đầu ngày 06 tháng 05 năm 2008 vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Cosfi là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 306.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi với Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited và Giấy chứng nhận đầu tư số 021022000145 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2009 vốn điều lệ của Công ty TNHH SITC Việt Nam là 400.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Safi góp 204.000 USD chiếm 51% vốn điều lệ; Công ty SITC Shipping Asia Pte.Limited góp 196.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (1)	TP. HCM	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (2)	TP. HCM	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu của Công ty CP Vinalines Logistic	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác (Thẻ hội viên gold)	100.562.000	100.562.000
	<u>1.605.562.000</u>	<u>1.605.562.000</u>

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	229.201.061	627.889.102
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.486.820.778	927.129.658
Các loại thuế khác	418.699.472	402.649.415
	<u>2.134.721.311</u>	<u>1.957.668.175</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí phần mềm	46.800.000	46.800.000
Chi phí thuê nhà	81.984.000	-
Chi phí phải trả khác	-	72.727.273
	<u><u>128.784.000</u></u>	<u><u>119.527.273</u></u>

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	781.121.030	785.610.729
Bảo hiểm xã hội	200.322.918	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.000.000	172.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	12.434.971.500	-
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	20.622.056.274	23.345.377.211
Phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	7.067.791.960	2.635.035.732
Phải trả của Chi nhánh Hải Phòng	1.833.431.536	1.746.032.028
Phải trả của Chi nhánh Quy Nhơn	18.745.611	553.158.042
Phải trả cước xuất phòng Sea	134.739.188	-
Phải trả, phải nộp khác	2.121.309.335	1.523.755.548
	<u><u>45.391.489.352</u></u>	<u><u>30.760.969.290</u></u>

10
3
EMI
U T
K E
M T
T E N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu kỳ này	82.899.818.054	-	33.636.112.600	-	2.794.128.014	-	7.264.374.396	-	7.394.023.874	-	133.988.456.938	-
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	9.560.044.351	-	9.560.044.351	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.105.389.518	-	(2.105.389.518)	-	-	-
Chi trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	-	(12.434.971.500)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.105.389.518)	-	(2.105.389.518)	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(2.794.128.014)	-	-	-	-	-	(2.794.128.014)	-
Số dư cuối kỳ này	82.899.818.054	-	33.636.112.600	-	-	-	9.369.763.914	-	308.317.689	-	126.214.012.257	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 01-2012/NQ-DHĐCĐ ngày 19/05/2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%	VND	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	21.053.895.188	100,00%	21.053.895.188
Trích Quỹ dự phòng tài chính	10,00%	2.105.389.518	10,00%	2.105.389.518
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	2.105.389.518	10,00%	2.105.389.518
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	59,06%	12.434.971.500	59,06%	12.434.971.500
Lợi nhuận chưa phân phối	20,94%	4.408.144.652	20,94%	4.408.144.652

Công ty đã công bố chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2011 vào ngày 26/06/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	82.899.818.054	82.899.818.054
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2011</i>	12.434.971.500	-

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.289.982	8.289.982
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	9.369.763.914	7.264.374.396
	9.369.763.914	7.264.374.396

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.063.712.280	62.760.010.802
	80.063.712.280	62.760.010.802

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.774.030.119	52.216.826.363
	67.774.030.119	52.216.826.363



16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	558.994.600	1.159.012.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.242.960.312	2.006.734.278
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.642.578.996	401.169.251
	4.444.533.908	3.566.916.123

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	407.079.273	-
	407.079.273	-

18 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.332.405.699	10.736.986.104
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.242.960.312)	(2.006.734.278)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm(cổ tức, lợi nhuận được chia)	(1.242.960.312)	(2.006.734.278)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	11.089.445.387	8.730.251.826
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	11.089.445.387	8.730.251.826
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.772.361.348	2.182.562.957
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.772.361.348	2.182.562.957
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	927.129.658	1.270.068.328
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.212.670.228)	(2.801.996.070)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	1.486.820.778	650.635.215



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty****Tài sản tài chính**

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.851.066.796	-	39.824.329.413	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.909.086.765	-	24.388.320.618	-
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	-	1.605.562.000	-
Cộng	73.365.715.561	-	65.818.212.031	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	66.396.936.414	45.020.621.138
Chi phí phải trả	128.784.000	119.527.273
	66.525.720.414	45.140.148.411

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

DUY
 CÔ
 CH N
 CH V
 CHÍNH
 KIỂM
 KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	66.396.936.414	-	-	66.396.936.414
Chi phí phải trả	128.784.000	-	-	128.784.000
Cộng	66.525.720.414	-	-	66.525.720.414
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	45.020.621.138	-	-	45.020.621.138
Chi phí phải trả	119.527.273	-	-	119.527.273
Cộng	45.140.148.411	-	-	45.140.148.411

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Công ty con	1.152.960.312	1.006.073.438
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Công ty con	-	1.000.660.840
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội Đồng Quản trị			
- Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị được hưởng		1.076.464.001	810.531.000

110
IG T
EM H
I TU
E TO
TOAI
-TP-

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán và soát xét.



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

